

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Tên học phần: Chuỗi giá trị thực phẩm (Food value chain management)

- Mã số học phần: NS342
- Số tín chỉ học phần: 2 tín chỉ
- Số tiết học phần: 30 tiết lý thuyết và 60 tiết tự học

### 2. Đơn vị phụ trách học phần

- Bộ môn Công nghệ thực phẩm, Khoa Nông nghiệp và Sinh học ứng dụng

### 3. Điều kiện tiên quyết

- Không

### 4. Mục tiêu của học phần

#### 4.1. Kiến thức

- 4.1.1. Người học hiểu được xu hướng tiêu dùng nông sản của khu vực Châu Á – Thái Bình Dương và toàn cầu và các kiến thức nền tảng về các chuỗi giá trị thực phẩm hiện đại.
- 4.1.2. Người học hiểu được đặc điểm của nền nông nghiệp của các nước Châu Á dưới góc độ sản xuất hàng hóa và mô hình phát triển nền nông nghiệp hiện đại.
- 4.1.3. Người học tiếp nhận được những kiến thức mới về hệ thống quản lý chất lượng thực phẩm GFSI.

#### 4.2. Kỹ năng

- 4.2.1. Người học có kỹ năng tra cứu tài liệu thông qua các công cụ truyền thông như sử dụng các cơ sở dữ liệu (database), phần mềm trực tuyến (Mendeley,...), các trang mạng, v.v...
- 4.2.2. Người học có kỹ năng phân tích các đặc điểm của một chuỗi giá trị hiện hữu và đề xuất một mô hình chuỗi giá trị mới phù hợp.
- 4.2.3. Người học có kỹ năng hoạch định các yêu cầu năng lực về an toàn vệ sinh thực phẩm của các cổ đông trong chuỗi sản xuất thực phẩm hiện đại (GFSI).

#### 4.3. Thái độ

- 4.3.1. Người học có thái độ đúng đắn về định hướng phát triển một nền nông nghiệp hiện đại.
- 4.3.2. Người học phát triển tốt tư duy khoa học trước những vấn đề của thế giới về phát triển bền vững.

### 5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Môn học *Chuỗi giá trị thực phẩm* giới thiệu xu hướng tiêu dùng nông sản của khu vực Châu Á – Thái Bình Dương và toàn cầu đồng thời trang bị các kiến thức nền tảng về các chuỗi giá trị thực phẩm hiện đại. Đặc điểm của nền nông nghiệp của các nước Châu Á được phân tích, qua đó, mô hình phát triển nông nghiệp hợp lý được đề xuất. Các hoạt động hậu cần trong chuỗi phân phối cũng được trình bày chi tiết. Cách thức kết nối các nhà sản xuất với thị trường được trình bày. Môn học còn giới thiệu gói kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm theo hệ thống tiêu chuẩn mới trên thế giới (GFSI).

## 6. Cấu trúc nội dung học phần

### 6.1. Lý thuyết

|                  | Nội dung  | Số tiết | Mục tiêu                          |
|------------------|---|---------|-----------------------------------|
| <b>Chương 1.</b> | <b>Tổng quan xu hướng tiêu dùng của toàn cầu</b>                |         |                                   |
| 1.1.             | Xu hướng của toàn cầu   | 2       | 4.1.1; 4.2.1; 4.2.2               |
| 1.2.             | Xu hướng của khu vực Châu Á – Thái Bình Dương                   |         |                                   |
| <b>Chương 2.</b> | <b>Các chuỗi phân phối hiện đại</b>                             |         |                                   |
| 2.1.             | Định nghĩa chuỗi giá trị  | 4       | 4.1.1; 4.2.1; 4.2.2; 4.3.1; 4.3.2 |
| 2.2.             | Các nhân tố chính của một chuỗi cung ứng rau quả                |         |                                   |
| 2.3.             | Tương tác giữa các cổ đông trong chuỗi giá trị                  |         |                                   |
| <b>Chương 3.</b> | <b>Sự kết hợp các nông hộ (châu Á) trong chuỗi phân phối</b>    |         |                                   |
| 3.1.             | Những câu hỏi lớn về những trang trại nhỏ ở châu Á              | 4       | 4.1.2; 4.2.2                      |
| 3.2.             | Phân tích SWOT  |         |                                   |
| 3.3.             | Giám sát và kiểm soát GAP                                       |         |                                   |
| 3.4.             | Tập hợp các nông hộ sản xuất (hợp tác xã)                       |         |                                   |
| 3.5.             | Mô hình OVOP  |         |                                   |
| <b>Chương 4.</b> | <b>Các hoạt động hậu cần trong chuỗi phân phối</b>              |         |                                   |
| 4.1.             | Cách thức để hoạt động hậu cần đạt hiệu quả                     | 4       | 4.1.1; 4.1.2; 4.2.2               |
| 4.2.             | Các thách thức trong hoạt động hậu cần                          |         |                                   |
| 4.3.             | Hoạt động hậu cần tại nơi sản xuất                              |         |                                   |
| 4.4.             | Hoạt động hậu cần đối với thị trường nội địa                    |         |                                   |
| 4.5.             | Hoạt động hậu cần đối với thị trường xuất khẩu                  |         |                                   |
| <b>Chương 5.</b> | <b>Cách thức kết nối nhà sản xuất và thị trường</b>             |         |                                   |
| 5.1.             | Các kiểu kết nối thị trường                                     | 4       | 4.1.1; 4.1.2; 4.2.2               |
| 5.2.             | Nhận diện các thị trường sinh lợi                               |         |                                   |
| 5.3.             | Các yếu tố ảnh hưởng đến sự thành công trong kết nối thị trường |         |                                   |
| 5.4.             | Môi trường hỗ trợ   |         |                                   |
| <b>Chương 6.</b> | <b>Hệ thống quản lý chất lượng thực phẩm theo GFSI</b>          |         |                                   |
| 6.1.             | Quản lý chất lượng giai đoạn sản xuất nông sản thô              | 4       | 4.1.3; 4.2.3                      |
| 6.2.             | Quản lý chất lượng giai đoạn chế biến thực                      |         |                                   |

|      |  |  |  |
|------|--|--|--|
|      | phẩm                                   |  |  |
| 6.3. | Cách thức đảm bảo chất lượng theo GFSI |  |  |

## 6.2. Thực hành

|               | Nội dung  | Số tiết | Mục tiêu               |
|---------------|---|---------|------------------------|
| <b>Bài 1.</b> | <b>Tìm hiểu một chuỗi giá trị thực phẩm hiện hữu và đề xuất mô hình phát triển hiện đại (50% số nhóm)</b>                                       |         |                        |
| 1.1.          | Xây dựng bài thuyết trình: nhóm 3 sinh viên đầu tư khoảng 15 giờ chuẩn bị ở nhà để xây dựng bài thuyết trình và kịch bản báo cáo về chủ đề trên | 8       | 4.2.1; 4.2.2;<br>4.3.1 |
| 1.2.          | Trình bày báo cáo: mỗi nhóm sinh viên thực hiện một bài thuyết trình 15 phút về chủ đề trên   |         |                        |
| <b>Bài 2.</b> | <b>Xác định nhu cầu năng lực GFSI của các chuỗi thực phẩm hiện đại (tương ứng với bài tập 1, 50% số nhóm)</b>                                   |         |                        |
| 2.1.          | Xây dựng bài thuyết trình: nhóm 3 sinh viên đầu tư khoảng 15 giờ chuẩn bị ở nhà để xây dựng bài thuyết trình và kịch bản báo cáo về chủ đề trên | 8       | 4.1.3; 4.2.3           |
| 2.2.          | Trình bày báo cáo: mỗi nhóm sinh viên thực hiện một bài thuyết trình 15 phút về chủ đề trên   |         |                        |

## 7. Phương pháp giảng dạy

- Sử dụng hệ thống e-learning trong giảng dạy
- Giảng bài trực tiếp trên lớp
- Giao bài tập về nhà
- Tổ chức sửa chữa bài tập trên lớp
- Tổ chức cho sinh viên thuyết trình bài tập trên lớp.

## 8. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết
- Thực hiện đầy đủ các bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ
- Tham dự thi kết thúc học phần
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

## 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

### 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

| TT | Điểm thành phần            | Quy định                            | Trọng số | Mục tiêu                                |
|----|----------------------------|-------------------------------------|----------|---|
| 1  | Điểm chuyên cần            | - Tham dự đủ 100% tiết lý thuyết    | 10%      | 4.1.1; 4.1.2;<br>4.1.3; 4.2.2;<br>4.2.3 |
| 2  | Điểm bài tập               | - Bắt buộc làm bài tập              | 20%      | 4.2.1; 4.2.2;<br>4.2.3                  |
| 3  | Điểm thi kết thúc học phần | - Thi viết và trắc nghiệm (60 phút) | 70%      | 4.1.1; 4.1.2;<br>4.1.3; 4.2.1;          |

|  |  |   |  |                               |
|--|--|---|--|-------------------------------|
|  |  | - Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết<br>- Bắt buộc dự thi<br>- Điểm của phần này phải đạt tối thiểu 5/10 |  | 4.2.2; 4.2.3;<br>4.3.1; 4.3.2 |
|--|--|---|--|-------------------------------|

## 9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

## 10. Tài liệu học tập

| Thông tin về tài liệu   | Số đăng ký cá biệt |
|---|--------------------|
| [1] Sirichai Kanlayanarat, Rosa Rolle, Antonio Acedo Jr. 2009. Horticultural chain management for countries of Asia and the Pacific region: a training package. FAO regional office for Asia and the Pacific  |                    |
| [2] Lý Nguyễn Bình. 2017. Chuỗi giá trị thực phẩm (e-file, tải từ hệ thống e-learning của Trường thông qua hướng dẫn của giảng viên môn học)  |                    |
| [3] McGregor BM. 1989. Tropical products transport handbook. US Department of Agriculture   |                    |
| [4] Welby EM, McGregor BM. 2004. Agricultural Export Transportation Handbook. US Department of Agriculture  |                    |
| [5] Shepherd AW. 2007. Approaches to linking producers to markets. Agricultural Management, Marketing and Finance Service, FAO Rural Infrastructure and Agro-Industries Division (e-file, tải từ hệ thống e-learning của Trường thông qua hướng dẫn của giảng viên môn học) |                    |
| [6] GFSI. GFSI Training materials. Michigan State University  |                    |

## 11. Hướng dẫn sinh viên tự học

| Tuần | Nội dung   | Lý thuyết (tiết) | Thực hành (tiết) | Nhiệm vụ của sinh viên                             |
|------|--|------------------|------------------|--|
| 1    | <b>Chương 1. Tổng quan xu hướng tiêu dùng của toàn cầu</b><br>1.1. Xu hướng của toàn cầu<br>1.2. Xu hướng của khu vực Châu Á – Thái Bình Dương | 2                | 0                | Nghiên cứu trước:<br>+ Tài liệu [1], [2]           |
| 2    | <b>Chương 2. Các chuỗi phân phối hiện đại</b>  | 2                | 0                | Nghiên cứu trước:<br>+ Tài liệu [1], [2], [3], [4] |

|              |   |   |   |   |
|--------------|---|---|---|---|
|              | 2.1. Định nghĩa chuỗi giá trị<br>2.2. Các nhân tố chính của một chuỗi cung ứng rau quả  |   |   |   |
| <b>3</b>     | <b>Chương 2. Các chuỗi phân phối hiện đại</b><br>2.3. Tương tác giữa các cổ đông trong chuỗi giá trị<br><i>Giao bài tập 1</i>   | 2 | 0 | Nghiên cứu trước:<br>+ Tài liệu [1], [2], [3], [4]<br><i>Nhận bài tập 1: Tìm hiểu một chuỗi giá trị thực phẩm hiện hữu và đề xuất mô hình phát triển hiện đại</i>                             |
| <b>4</b>     | <b>Chương 3. Sự kết hợp các nông hộ (châu Á) trong chuỗi phân phối</b><br>3.1. Những câu hỏi lớn về những trang trại nhỏ ở châu Á<br>3.2. Phân tích SWOT<br>3.3. Giám sát & Kiểm soát GAP                                       | 2 | 0 | Nghiên cứu trước:<br>+ Tài liệu [1], [2]  |
| <b>5</b>     | <b>Chương 3. Sự kết hợp các nông hộ (châu Á) trong chuỗi phân phối</b><br>3.4. Tập hợp các nông hộ sản xuất (hợp tác xã)<br>3.5. Mô hình OVOP   | 2 | 0 | Nghiên cứu trước:<br>+ Tài liệu [1], [2]  |
| <b>6</b>     | <b>Chương 4. Các hoạt động hậu cần trong chuỗi phân phối (Kit Chan Chapter 5)</b><br>4.1. Cách thức để hoạt động hậu cần đạt hiệu quả<br>4.2. Các thách thức trong hoạt động hậu cần<br>4.3. Hoạt động hậu cần tại nơi sản xuất | 2 | 0 | Nghiên cứu trước:<br>+ Tài liệu [2]   |
| <b>7</b>     | <b>Chương 4. Các hoạt động hậu cần trong chuỗi phân phối (Kit Chan Chapter 5)</b><br>4.4. Hoạt động hậu cần đối với thị trường nội địa<br>4.5. Hoạt động hậu cần đối với thị trường xuất khẩu                                   | 2 | 0 | Nghiên cứu trước:<br>+ Tài liệu [2]   |
| <b>8</b>     | <b>Chương 5. Cách thức kết nối nhà sản xuất và thị trường</b><br>5.1. Các kiểu kết nối thị trường<br>5.2. Nhận diện các thị trường sinh lợi   | 2 | 0 | Nghiên cứu trước:<br>+ Tài liệu [5]   |
| <b>9</b>     | <b>Chương 5. Cách thức kết nối nhà sản xuất và thị trường</b><br>5.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự thành công trong kết nối thị trường<br>5.4. Môi trường hỗ trợ   | 2 | 0 | Nghiên cứu trước:<br>+ Tài liệu [5]   |
| <b>10-11</b> | <b>Bài tập 1: Tìm hiểu một chuỗi giá trị thực phẩm hiện hữu và đề xuất mô hình phát triển hiện đại</b><br><i>Nhóm sinh viên thực hiện bài thuyết trình trên lớp cho bài tập 1, 15 phút/nhóm</i>                                 | 0 | 8 | Chuẩn bị trước:<br>+ Bài thuyết trình về ‘Tìm hiểu một chuỗi giá trị thực phẩm hiện hữu và đề xuất mô hình phát triển hiện đại’ (15 phút/nhóm)<br>+ Kịch bản báo cáo cho bài thuyết trình này |

|              |  |   |   |   |
|--------------|--|---|---|---|
| <b>12</b>    | <b>Chương 6. Hệ thống quản lý chất lượng thực phẩm theo GFSI</b><br>6.1. Quản lý chất lượng giai đoạn sản xuất nông sản thô<br>6.2. Quản lý chất lượng giai đoạn chế biến thực phẩm                          | 2 | 0 | Nghiên cứu trước:<br>+ Tài liệu [6]   |
| <b>13</b>    | <b>Chương 6. Hệ thống quản lý chất lượng thực phẩm theo GFSI</b><br>6.2. Quản lý chất lượng giai đoạn chế biến thực phẩm (tiếp theo)<br>6.3. Cách thức đảm bảo chất lượng theo GFSI<br><i>Giao bài tập 2</i> | 2 | 0 | Nghiên cứu trước:<br>+ Tài liệu [6]<br><br><i>Nhận bài tập 2: Xác định nhu cầu năng lực GFSI của các chuỗi thực phẩm hiện đại</i>   |
| <b>14-15</b> | <b>Bài tập 2: Xác định nhu cầu năng lực GFSI của các chuỗi thực phẩm hiện đại</b><br><i>Nhóm sinh viên thực hiện bài thuyết trình trên lớp cho bài tập 2, 15 phút/nhóm</i>                                   | 0 | 8 | <i>Chuẩn bị trước:</i><br>+ <i>Bài thuyết trình về 'Xác định nhu cầu năng lực GFSI của các chuỗi thực phẩm hiện đại' (15 phút/nhóm)</i><br>+ <i>Kịch bản báo cáo cho bài thuyết trình này</i> |

**TL. HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỞNG KHOA**

*Cần Thơ, ngày 5 tháng 7 năm 2017*  
**TRƯỞNG BỘ MÔN**